

**BIỂU 1: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày/....../2026 của UBND Ea Ô)

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung, số liệu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		
					Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So với Kế hoạch 2026 (%)	So với cùng kỳ 2025 (%)
A	B	C	2	4	5	6=5/2*100	7=5/4*100
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ						
1	Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn						
*	Tổng giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	1.252,89	574,11	766,2	61,15	133,46
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	734,99	340,56	411,30	55,96	120,77
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	312,25	141,76	223,80	71,67	157,87
	<i>Trong đó: + Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>213,75</i>	<i>97,5</i>	<i>120,20</i>	<i>56,23</i>	<i>123,33</i>
	<i>+ Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>98,50</i>	<i>44,3</i>	<i>103,60</i>	<i>105,18</i>	<i>233,86</i>
	- Thương mại, dịch vụ	Tỷ đồng	205,65	91,80	131,10	63,75	142,82
*	Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành	Tỷ đồng	2.647,48	1.165,00	1.439,50	54,37	123,56
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	1.595	738,98	823,60	51,64	111,45
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	670	286,79	410,60	61,25	143,17
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>499</i>	<i>211,49</i>	<i>270,40</i>	<i>54,18</i>	<i>127,86</i>
	<i>Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>171</i>	<i>75,30</i>	<i>140,20</i>	<i>81,87</i>	<i>186,19</i>
	- Thương mại dịch vụ	Tỷ đồng	382	139,23	205,30	53,71	147,45
*	Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành	%	100	100,00	100,00		
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	60,2	63,43	57,21		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	25,3	24,62	28,52		

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung, số liệu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		
					Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So với Kế hoạch 2026 (%)	So với cùng kỳ 2025 (%)
A	B	C	2	4	5	6=5/2*100	7=5/4*100
	- Dịch vụ thương mại	%	14,4	11,95	14,26		
2	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng	38,27			-	
3	Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	336,1	144,7	170,2	50,64	117,62
	- Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với tổng giá trị sản xuất	%	12,7				
4	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	501,70	186,08	254,20	50,67	136,61
5	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	13,17	2,49	10,08	76,54	404,82
	<i>Trong đó:</i>						
	- Thu thuế, phí, lệ phí	Tỷ đồng	13,07	2,49	8,19	62,68	329,00
	- Thu biện pháp tài chính	Tỷ đồng	0,10	-	1,89	1.888,00	
	- Thu quản lý qua ngân sách	Tỷ đồng					
	Tổng chi ngân sách ĐP	Tỷ đồng	169,37	-	74,96	44,26	
	<i>Trong đó:</i>						
	- Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	-	-	-	-	
	- Chi thường xuyên	Tỷ đồng	169,37	-	74,96	44,26	
	Phát triển cơ sở hạ tầng ☐						

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung, số liệu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		
					Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So với Kế hoạch 2026 (%)	So với cùng kỳ 2025 (%)
A	B	C	2	4	5	6=5/2*100	7=5/4*100
6	- Tỷ lệ đảm bảo tưới chủ động cho diện tích cây trồng có nhu cầu tưới	%	85,0			-	
	- Tỷ lệ cải tạo, nâng cấp, nhựa hoặc bê tông hóa đường xã, liên xã	%	80,00			-	
	- Tỷ lệ cải tạo, nâng cấp, nhựa hoặc bê tông hóa đường thôn, trục thôn xóm	%	50,00			-	
	- Tỷ lệ thôn, buôn có điện	%	99,20			-	
	- Tỷ lệ hộ được dùng điện	%	98,30			-	
	- Tỷ lệ xã có hệ thống thông tin thông suốt	%	100,00			-	
7	Bình quân tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt trên một đơn vị xã	số TC/xã	12,00			-	
8	Phát triển kinh tế tập thể						
	- Tổng số Hợp tác xã	HTX	9	7	10	111	142,86
	+ Số HTX thành lập mới	HTX	1	0	2	200	
	+ Số HTX giải thể	HTX	1	0	0	-	
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI						
9	- Dân số trung bình (KQTH theo niên giám TK)	người	22.700			-	
	- Dân số theo kết quả rà soát hộ nghèo	người					
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	1,10			-	

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung, số liệu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		
					Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So với Kế hoạch 2026 (%)	So với cùng kỳ 2025 (%)
A	B	C	2	4	5	6=5/2*100	7=5/4*100
10	- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia năm 2021-2025)	%	8,10			-	
	+ Trong đó hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số	%	408,00			-	
	- Mức giảm hộ nghèo/năm	%	1,5-2,5%				
	- Mức giảm hộ nghèo trong đồng bào DTTS/năm		1,5-2%				
11	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	90,90			-	
	Tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa	%	96,00			-	
	Tỷ lệ thôn, buôn có nhà, lớp mầm non (tính cả thôn, buôn học ghép lớp với các thôn, buôn khác)	%	60,00			-	
12	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	145			-	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động	%	45,0			-	
	trong đó: tỷ lệ lao động có văn bằng, chứng chỉ nghề	%	10,7			-	
	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế giai đoạn đến năm 2020	%	100,00			-	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	-				

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung, số liệu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		
					Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So với Kế hoạch 2026 (%)	So với cùng kỳ 2025 (%)
A	B	C	2	4	5	6=5/2*100	7=5/4*100
13	Số giường bệnh/ 1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường/ vạn dân	-				
	Tỷ lệ bao phủ BHYT theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ	%	96,00			-	
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG						
14	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom và xử lý	%	16,50			-	
15	Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su)	%	18,00			-	
16	Tỷ lệ số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,00			-	
17	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	24,00			-	
IV	CHỈ TIÊU QUỐC PHÒNG - AN NINH						
18	Tỷ lệ đạt chỉ tiêu tuyển quân	%	100	100,00	100,00		
	Tỷ lệ các đối tượng được giáo dục kiến thức quốc phòng theo quy định	%	100	100,00	100,00		
	Tổ chức diễn tập theo cơ chế NQ28		-				
	- Cấp xã	Xã					
	Duy trì tỷ lệ xã, thị trấn vững mạnh về QP-AN	%	Đạt		Đạt	Đạt	
	- Tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự	%	>90		100,00	100,00	

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung, số liệu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		
					Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So với Kế hoạch 2026 (%)	So với cùng kỳ 2025 (%)
A	B	C	2	4	5	6=5/2*100	7=5/4*100
	Trong đó: Tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	%	>95		100,00	100,00	
	- Giảm tỷ lệ tai nạn giao thông so với cùng kỳ năm trước						
	+ Về số vụ	%	giảm>5		Không để xảy ra	Không để xảy ra	
	+Về số người chết	%	giảm>3-5		Không để xảy ra	Không để xảy ra	
	+Về số người bị thương	%	giảm>3-5		Không để xảy ra	Không để xảy ra	
V	CHỈ TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN						
19	Tỷ lệ xã, thị trấn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở trên	%	100			-	
	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	99			-	